TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99 /2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 3 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

* *Người yêu cầu*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1996.

Tạm trú tại: Nhà B, khu chung cư V, tổ 95, phường N, Quận S, thành phố Đà Nẵng.

* *Người yêu cầu*: Ông Trần Quang M, sinh năm: 1991.

Tạm trú tại: K24/5 đường T, phường T, quận H, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Quang M xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tin tưởng nhau về tình cảm cũng như về tiền bạc nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện đã sống ly thân nhau không ai quan tâm gì đến nhau. Nay bà Th và ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu Th nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Th và ông M xác định có có 01 con chung là Trần Bảo A, sinh ngày 06/06/2016. Ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận giao con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th và ông M đã tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GĐ chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung giữa ông M và bà Th xác định không có.

[4] Về nợ chung giữa ông M và bà Th xác định không có

Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông M và bà Th mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007702 ngày 26/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (do trung tâm lập) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Quang M thống nhất thuận tình ly hôn (*giấy chứng nhận kết hôn số 72/2016 quyển 01 ngày 19/07/2015 tại UBND phường T, quận H, TP Đà Nẵng không còn giá trị*).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa bà Th và ông M như sau giao con chung Trần Bảo A - sinh ngày 06/06/2016 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có.

Về nợ chung không có.

Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông M và bà Th mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007702 ngày 26/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND đăng ký kết hôn nêu trên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Lương Thị Anh